

Số: 24 /NQ-HĐND

Triệu Cơ, ngày 21 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn xã Triệu Cơ đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TRIỆU CƠ
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2025;

Xét Tờ trình số 2254/TTr-UBND, ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Triệu Cơ về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn xã Triệu Cơ đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn xã Triệu Cơ đến năm 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; ban hành Kế hoạch thực hiện hằng năm; hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ, điều kiện và quy trình xét hỗ trợ theo quy định.

b) Chủ động cân đối, bố trí kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách xã hằng năm theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của Luật Ngân sách nhà

nước; đồng thời lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Nghị quyết.

c) Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ, đảm bảo các đối tượng nhận hỗ trợ sử dụng kinh phí đúng mục đích.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội trong chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp tuyên truyền, vận động cá nhân, tổ chức tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư để phản ánh đến Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Triệu Cơ, khóa II kỳ họp thứ ba thông qua ngày 21 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: 

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
 - BTV Đảng ủy xã (b/c);
 - TT HĐND, UBND, BT UBMT xã;
 - Các Ban HĐND xã;
 - Đại biểu HĐND xã;
 - Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
 - Các thôn, các HTX, THT;
 - Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Ngọc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TRIỆU CƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn xã Triệu Cơ đến năm 2030

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **24** /NQ-HĐND
ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Triệu Cơ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc thực hiện, đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ và trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với phát triển sản xuất trên địa bàn xã Triệu Cơ đến năm 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản; Hộ gia đình, cá nhân, trang trại.
2. Hợp tác xã hoạt động cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp.
3. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một phần, khuyến khích các tổ chức, cá nhân chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp khác để tham gia đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường.
2. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật và các điều kiện được quy định tại Nghị quyết này.
3. Trong cùng một thời gian, có nhiều chính sách hoặc có chính sách mới của Nhà nước được ban hành cùng một nội dung hỗ trợ thì mỗi đối tượng chỉ được lựa chọn một chính sách hỗ trợ. Đối với cùng một nội dung hỗ trợ, mỗi đối tượng chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ một lần. Trường hợp cùng một nội dung đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách thì đối tượng được lựa chọn một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

4. Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đối tượng, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Tiêu chí vùng nguyên liệu

Vùng nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản được xác định đạt yêu cầu để hưởng các chính sách của Nghị quyết này khi đáp ứng đầy đủ các nhóm tiêu chí cơ bản sau:

1. Phù hợp với quy hoạch chung xã và quy hoạch sử dụng đất của xã; có quy mô tập trung đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa trong đó phải có quy mô tối thiểu:

a) Đối với cây trồng: Cây lúa 20 ha, lúa hữu cơ 05 ha, cây hàng năm 02 ha (cây ăn quả, cây dược liệu, cây thức ăn chăn nuôi).

b) Đối với chăn nuôi, thủy sản: có quy mô tổng đàn, sản lượng hoặc quy mô nuôi trồng tương đương, phù hợp với từng loại vật nuôi, đối tượng nuôi chủ lực (gia súc, gia cầm, thủy sản...) theo quy định hiện hành.

2. Có hạ tầng hoặc có điều kiện, định hướng đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất và liên kết bao gồm: Giao thông nội vùng, thủy lợi, điện; Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức sản xuất và liên kết: Có sự tham gia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ chức đại diện của nông dân; có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

4. Áp dụng thống nhất quy trình kỹ thuật sản xuất, có tổ chức quản lý, giám sát chung.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Điều 5. Hỗ trợ công tác dồn điền, đổi thửa

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Hoàn thành phương án sử dụng đất bảo đảm mỗi hộ sử dụng từ 01 thửa – 02 thửa đất cùng một loại đất nông nghiệp (đất lúa hoặc đất trồng cây hàng năm), trong đó tối thiểu có 50% số hộ sử dụng bảo đảm 01 thửa/01 loại đất. Quy mô: Đối với đất trồng lúa tối thiểu từ 20 ha/phương án đến dưới 50 ha; đối với đất trồng cây hàng năm tối thiểu từ 02 ha/phương án đến dưới 05 ha.

b) Đối với nội dung hỗ trợ tại điểm c khoản 3 Điều này ngoài đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 1 Điều này thì phải hoàn thành công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được kiểm tra, nghiệm thu, phê duyệt theo đúng quy định.

c) Phương án dồn điền, đổi thửa đã được tổ chức thực hiện hoàn thành, được Ủy ban nhân dân xã kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận kết quả theo quy định làm căn cứ xem xét, thực hiện hỗ trợ theo quy định.

2. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện phương án dồn điền, đổi thửa.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí 1,5 triệu đồng/ha thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn để dồn điền đổi thửa. Giai đoạn 2026-2030, ngân sách xã hỗ trợ 200 ha.

b) Hỗ trợ kinh phí san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/ha; hỗ trợ kinh phí di dời mồ mả, mức hỗ trợ 02 triệu đồng/ngôi. Giai đoạn 2026-2030, ngân sách xã hỗ trợ 200 ha.

2026-2030, ngân sách xã hỗ trợ 200 ha.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền, đổi thửa. Giai đoạn 2026-2030, ngân sách xã hỗ trợ 200 ha, mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 6. Hỗ trợ thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp

1. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân thực hiện thuê quyền sử dụng đất có hợp đồng thuê quyền sử dụng đất thời hạn tối thiểu 05 năm (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã); có phương án sản xuất trên diện tích thuê quyền sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật đất đai để thực hiện đầu tư phát triển theo định hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp số, nông nghiệp công nghệ cao; diện tích thuê phải nằm trong vùng quy hoạch sản xuất tập trung của xã; diện tích thuê phải được sử dụng ổn định trong thời gian hưởng chính sách; không xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất; có diện tích tối thiểu 03 ha.

2. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này có thực hiện thuê quyền sử dụng đất.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ tiền thuê quyền sử dụng đất trong 02 năm đầu tiên, cụ thể như sau:

a) Đối với nhóm cây ăn quả, cây dược liệu, cây nguyên liệu, cây thức ăn chăn nuôi: 05 triệu đồng/ha/năm.

b) Đối với cây lúa: 03 triệu đồng/ha/năm.

c) Đối với thủy sản nuôi chủ lực: 7,5 triệu đồng/ha/năm.

d) Trường hợp Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có giá trị thấp hơn các mức hỗ trợ tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này thì mức hỗ trợ tối đa bằng với giá trị hợp đồng; trường hợp Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có giá trị cao hơn mức hỗ trợ thì mức hỗ trợ tối đa theo quy định nêu trên.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CƠ GIỚI HÓA, ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG, HỖ TRỢ KỸ THUẬT; TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG

Điều 7. Hỗ trợ mua máy bay không người lái (Drone) phục vụ sản xuất nông nghiệp

1. Điều kiện hỗ trợ: Hợp tác xã được hỗ trợ mua máy bay không người lái (Drone) phục vụ sản xuất nông nghiệp phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Máy bay không người lái (Drone) đề nghị hỗ trợ phải là máy mới 100%, chưa qua sử dụng, không phải là máy đã qua tân trang, phục hồi hoặc cải tạo; bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tính năng, công dụng và chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với Drone do nước ngoài sản xuất, phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được phép nhập khẩu, lưu hành và sử dụng hợp pháp tại Việt Nam; có đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ theo quy định. Đối với Drone do tổ chức, doanh nghiệp trong nước sản xuất, lắp ráp, phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu

chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm theo quy định của pháp luật.

b) Drone phải được mua từ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hợp pháp; có hợp đồng mua bán, hóa đơn, chứng từ thanh toán và hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ theo quy định của pháp luật.

c) Drone được hỗ trợ phải có công suất, tải trọng và tính năng đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, tối thiểu tương đương T70P hoặc loại có thông số kỹ thuật tương đương trở lên, phù hợp với nhu cầu phun thuốc bảo vệ thực vật, bón phân, gieo sạ hoặc các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác theo phương án được phê duyệt.

d) Hợp tác xã phải có cam kết quản lý, sử dụng Drone đúng mục đích, phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Triệu Cơ; không bán, chuyển nhượng, cho, tặng hoặc sử dụng sai mục đích trong thời gian tối thiểu 60 tháng kể từ ngày nhận hỗ trợ, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

2. Đối tượng hỗ trợ: Thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% giá trị mua máy bay không người lái (Drone) phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Giai đoạn 2026–2030 tổng kinh phí ngân sách xã hỗ trợ thực hiện chính sách mua Drone không quá 200 triệu đồng.

Điều 8. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

1. Điều kiện được đầu tư: Tổ chức, cá nhân được xã ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Đáp ứng tiêu chí để hình thành vùng nguyên liệu theo quy định tại Điều 4 của Quy định này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với đường giao thông nội vùng phải có khả năng kết nối liên thông vùng sản xuất với hệ thống đường giao thông hiện có, phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông, quy hoạch chung của địa phương (nếu có); Đối với hệ thống thủy lợi phải đảm bảo chủ động cấp, thoát nước phục vụ sản xuất (kênh mương cấp nước phải kết nối với nguồn nước đã có từ kênh thủy lợi hoặc trạm bơm...; hệ thống kênh tiêu phải đảm bảo khả năng tiêu thoát kịp thời phục vụ sản xuất); Đối với hệ thống điện: có đăng ký nhu cầu sử dụng điện, thỏa thuận điểm đấu nối lưới điện theo yêu cầu ngành điện; Đối với hệ thống xử lý nước thải phải đảm bảo để trước khi thải ra môi trường đạt yêu cầu quy định.

2. Nội dung và mức đầu tư

a) Nội dung: Xã ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất: Lĩnh vực trồng trọt (công trình thủy lợi nội đồng, giao thông nội đồng; lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (hệ thống cấp, thoát nước, giao thông nội vùng); lĩnh vực chăn nuôi theo phương thức tập trung (đường giao thông nội vùng, hệ thống cấp thoát nước, công trình xử lý chất thải, nước thải tập trung).

b) Mức đầu tư: Đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển vùng nguyên liệu hỗ trợ

không quá 70% tổng chi phí xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển vùng nguyên liệu và không quá 300 triệu đồng/dự án đầu tư.

Điều 9. Hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật

1. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ đào tạo kỹ thuật khi tham gia liên kết phát triển vùng nguyên liệu đáp ứng tiêu chí tại Điều 4 của Quy định này.

2. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới vào phát triển vùng nguyên liệu.

Điều 10. Hỗ trợ xây dựng, bảo hộ nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, cấp mã số vùng trồng và chứng nhận quản lý chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường

1. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có dự án/kế hoạch liên kết đáp ứng tiêu chí để hình thành vùng nguyên liệu theo quy định tại Điều 4 của Quy định này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Có hợp đồng tư vấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận sản xuất sản phẩm; hóa đơn của đơn vị cung ứng dịch vụ và các chứng từ hợp lệ khác chứng minh chi phí cấp giấy chứng nhận hoặc cấp mã số vùng trồng, hệ thống truy xuất nguồn gốc.

c) Có giấy chứng nhận được cấp hoặc quyết định cấp mã số vùng trồng; hệ thống truy xuất nguồn gốc được nghiệm thu.

2. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần 50% chi phí thiết lập ứng dụng công nghệ số truy xuất nguồn gốc, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

b) Hỗ trợ chi phí xây dựng, bảo hộ, công bố chất lượng sản phẩm, thực hiện đánh giá, chứng nhận sản phẩm; gia hạn chứng nhận: tối đa 50 triệu đồng/sản phẩm.

c) Hỗ trợ chi phí cấp mã số vùng trồng, tối đa không quá 10 triệu đồng/mã số.

d) Hỗ trợ kinh phí để tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại gồm: hội nghị kết nối cung cầu, hội chợ, triển lãm: tối đa 20 triệu đồng/sự kiện.

Chương IV

PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN, NGUỒN KINH PHÍ, THU HỒI KINH PHÍ

Điều 11. Phương thức hỗ trợ, nguồn kinh phí

1. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện:

a) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Hội đồng nhân dân xã quyết định bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết.

b) Nguồn kinh phí thực hiện gồm:

- Ngân sách xã theo phân cấp ngân sách nhà nước;
- Nguồn bổ sung từ ngân sách cấp trên thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án;
- Nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 12. Dừng hỗ trợ và thu hồi kinh phí

1. Tổ chức, cá nhân phải hoàn trả 100% kinh phí hỗ trợ trong các trường hợp: giả mạo hồ sơ; lập khống chứng từ; sử dụng kinh phí sai nội dung; tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trái phép.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ không được xem xét hỗ trợ theo Nghị quyết này trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định xử lý vi phạm.

3. Việc thu hồi kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Ban hành kế hoạch thực hiện hằng năm; hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ, điều kiện và quy trình xét hỗ trợ theo quy định.

c) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; kiểm tra, nghiệm thu; tham mưu quyết định hỗ trợ và tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ theo quy định.

d) Hằng năm tổng hợp nhu cầu kinh phí, cân đối trong dự toán ngân sách xã và lồng ghép với các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Nghị quyết.

đ) Chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch dồn điền, đổi thửa, tích tụ, tập trung đất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển sản xuất của địa phương.

e) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân tiếp cận, thực hiện các chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và các chính sách khác có liên quan nhằm huy động tối đa các nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất.

g) Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, báo cáo Hội đồng nhân dân xã kết quả thực hiện Nghị quyết.

2. Các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công và Trung

tâm Dịch vụ tổng hợp thuộc Ủy ban nhân dân xã, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; kiểm tra, nghiệm thu; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện tích tụ, tập trung đất nông nghiệp; giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ

- a) Thực hiện đầy đủ các điều kiện, nội dung cam kết theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ.
- b) Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.
- c) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu và hoàn trả kinh phí hỗ trợ trong trường hợp vi phạm theo quy định./.